

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/DS -ST
Ngày: 22 - 6 - 2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân
sự hui, họ, biêu, phường”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái.
2. Ông Võ Thanh Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Không tham gia phiên toà.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2020/TLST - DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự hui, họ, biêu, phường” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị S, sinh năm: 1971; địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh K; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Đức C, sinh năm 1971 và bà Trần Thị Tường V, sinh năm: 1978; cùng địa chỉ: Khu phố Tr, thị trấn H, huyện H, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị S trình bày: Vợ chồng ông Ngô Đức C, bà Trần Thị Tường V có tham gia chơi hội tháng do bà làm chủ hội, sau khi tổng kết tiền hội tính đến ngày 10/10/2018 vợ chồng ông C, bà V còn nợ bà số tiền tổng cộng là 205.000.000 đồng. Ông C, bà V hứa sẽ trả dần hàng tháng nhưng từ đó cho đến nay ông, bà vẫn chưa trả. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C, bà V phải trả cho bà số tiền là 205.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/5/2020 bị đơn là bà Trần Thị Tường V trình bày: Bà xác định trước đây bà có tham chơi hội do bà Đặng Thị S làm chủ hội, bà tham gia chơi 2,5 chân, hội 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui hội một lần nhưng bà không nhớ thời gian chơi cụ thể. Do kẹt vốn làm ăn nên bà đã hốt hết những chân hội mà bà tham gia, sau đó vợ chồng bà không có khả năng đóng hội chết. Ngày 10/10/2018, giữa bà và bà S đã chốt nợ, bà xác định còn nợ bà S số tiền là 205.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà S số tiền này nhưng do hoàn cảnh đang gặp khó khăn nên bà yêu cầu được trả dần.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/5/2020 bị đơn là ông Ngô Đức C trình bày: Ông biết việc vợ ông là bà Trần Thị Tường V tham gia chơi hội của bà S, khi hốt hội bà S có giao tiền hội cho ông, sau đó ông giao lại cho vợ ông, còn việc đóng hội lại như thế nào ông không biết. Nay, vợ ông thừa nhận còn nợ bà S 205.000.000 đồng nên ông cũng thừa nhận nợ. Ông đồng ý trả cho bà S số tiền là 205.000.000 đồng nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Đặng Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Tường V, ông Ngô Đức C trả số tiền nợ hội nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp “Hợp đồng dân sự hội, họ, biểu, phường” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn là bà V, ông C có địa chỉ nơi cư trú tại khu phố Tr, thị trấn H, huyện H, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ông C, bà V đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự cùng xác định bà S có làm chủ của các dây hui áp vào năm 2016, số tiền là 5.000.000 đồng, mỗi tháng số 01 lần, tính đến nay các dây hui đã kết thúc. Bà V, ông C đã hốt hui và nhận đủ tiền nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ đóng hui chết. Bà S yêu cầu bà V, ông C thanh toán số tiền còn nợ căn cứ biên nhận ngày 10/10/2018 là 205.000.000 đồng, thanh toán một lần. Bà V, ông C đồng ý thanh toán cho bà S số tiền này nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005 thì: *“Họ, hui, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”*. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định số tiền nợ nói trên là tiền góp họ mà các bên đã giao dịch. Giao dịch của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên có quyền, nghĩa vụ phải thực hiện. Do đó, yêu cầu của bà S là có cơ sở nên được Tòa án chấp nhận toàn bộ, buộc bà V, ông C phải liên đới thanh toán cho bà S số tiền là 205.000.000 đồng.

Bà S không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không giải quyết.

Ông C, bà V yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng, tuy nhiên không được bà S chấp nhận nên Tòa án không có căn cứ để xem xét yêu cầu của ông, bà.

[3] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của BLTTDS, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của bà S được Tòa án chấp nhận nên bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng.

Bà V, ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $205.000.000 \times 5\% = 10.250.000$ đồng (Mười triệu hai trăm năm chục nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 479, Điều 298 của Bộ luật Dân sự 2005;

Điểm a khoản 1 Điều 688, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị S đối với bà Trần Thị Tường V, ông Ngô Đức C. Buộc bà V, ông C phải liên đới thanh toán cho bà S số tiền là 205.000.000 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Yêu cầu của bà S được Tòa án chấp nhận nên bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009398 ngày 28/02/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bà V, ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 10.250.000 đồng (Mười triệu hai trăm năm chục nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cẩm Tú